

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TRNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HSST
Ngày: 22-01-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TRNH PHỐ ĐỒNG XOÀI

- TRnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Văn Phú Vinh**

Các hội thẩm nhân dân: **Ông Đào Xuân Nhi; Ông Thạch Nhị**

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tRnh phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Thủy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 178/2019/HSST ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Văn A**, Tên gọi khác: không, sinh năm 1994; Tại: Bình Phước; Hộ khẩu thường trú cũng như chỗ ở: Khu phố 6, phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc B (*đã chết*) và bà Ngô Thị C, sinh năm 1964; Bị cáo có vợ là Thị D, sinh năm 1997 và chưa có con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05 tháng 8 năm 2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai:

Họ và tên: **Thị D**, Tên gọi khác: không, sinh năm 1997; Tại: Bình Phước; Hộ khẩu thường trú cũng như chỗ ở: Ấp SL, xã PA. Huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: S'Tiêng; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Điều Đ, sinh năm 1968 và bà Thị E, sinh năm 1969; Bị cáo có chồng là Nguyễn Văn A, sinh năm 1994 và chưa có con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05 tháng 8 năm 2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người bị hại:

1. Chị Đỗ Thị F, sinh năm 1993 (có mặt)

Cư trú: Ấp 4, xã TH, tRnh phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

2. Chị Nguyễn Thị Thu G, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cư trú: Ấp 7, xã TH, tRnh phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

3. Chị Trần Thị H, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cư trú: Ấp 6, xã TH, tRnh phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

4. Chị Phạm Thị Kiều I, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cư trú: Khu phố BK, thị trấn TP, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

5. Chị Đoàn Thị Kim K, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Cư trú: Ấp QY, xã TL, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Viết L, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Cư trú: Ấp 1, xã TH, tRnh phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

2. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cư trú: Khu phố TB, phường TB, tRnh phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

3. Anh Lê Thanh N, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Cư trú: Khu phố TB, phường TB, tRnh phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

4. Chị Ngô Thị Kim O, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Cư trú: Khu phố PT, phường TT, tRnh phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

5. Chị Thái Thị P, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cư trú: Khu phố TB, phường TB, tRnh phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

6. Anh Lê Đức Q, sinh năm 1991(vắng mặt)

Cư trú: Ấp 2, xã TH, tRnh phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

7. Anh Lê Vũ R, sinh năm 1991(vắng mặt)

Cư trú: Khu phố BK, thị trấn TP, huyện Đồng Phú, tỉnh A Phước

8. Bà Thị E, sinh năm 1969 (có mặt)

Cư trú: ấp SL, xã PA, huyện Hớn Quản, tỉnh A Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Từ ngày 27 tháng 6 năm 2019 đến ngày 05 tháng 8 năm 2019 để có tiền tiêu xài cá nhân và chi tiêu trong gia đình, nên Nguyễn Văn A đã thực hiện 07 vụ cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Đồng Xoài và huyện Đồng Phú. Sau khi cướp giật được tài sản A nói cho vợ là Thị D biết và cùng nhau tiêu thụ tài sản, cụ thể:

Lần 1: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 27 tháng 6 năm 2019, A điều khiển xe mô tô hiệu honda Wave Blade, biển số 93C1.158.16 đi làm, khi đến đường ĐT 741, thuộc ấp 1, xã TH, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước thấy một người phụ nữ điều khiển xe mô tô đi cùng chiều, trong túi quần bên phải có 01 chiếc điện thoại di động màu xanh, A điều khiển xe áp sát dùng tay trái giật điện thoại rồi tăng ga bỏ chạy về phòng trọ tại thị trấn TP, huyện Đồng Phú lấy điện thoại ra xem biết được là điện thoại sam sung A7, màu xanh. A tháo máy vít sim rồi đưa điện thoại cho Thị D xem và nói cho D biết điện thoại mới cướp giật mà có, sau đó A mang đi bỏ khóa hết 180.000đồng. Sau khi bỏ khóa xong mang về phòng trọ cất giấu. Đến ngày 29 tháng 6 năm 2019 thì A điều khiển xe mô tô hiệu honda Blade, biển số 93C1.158.16 chở Thị D mang điện thoại trên đến tiệm

cầm đồ Bình An cầm cho bà Ngô Thị Kim O với giá 3.000.000đồng và chi tiêu trong gia đình hết, *(đã thu hồi được tài sản nhưng chưa xác định được bị hại)*.

Lần 2: Khoảng 19 giờ ngày 05 tháng 7 năm 2019 A điều khiển xe mô tô hiệu honda Wave Blade, biển số 93C1.158.16 đi từ phòng trọ tại thị trấn TP, huyện Đồng Phú đến thành phố Đồng Xoài chơi, khi đến đường ĐT 741 thuộc ấp 2, xã TH, thành phố Đồng Xoài phát hiện chị Trần Thị H điều khiển xe mô tô biển số 48C1.017.39 và túi quần phía trước bên phải có 01 điện thoại, A áp sát dùng tay trái cướp giật điện thoại rồi tăng ga bỏ chạy, về phòng trọ lấy ra biết điện thoại sam sung A30, A tự mở khóa được, tháo máy vứt sim, kể cho Thị D nghe điện thoại vừa cướp giật, đưa cho Thị D xem, D cất vào tủ quần áo, đến ngày 08 tháng 7 năm 2019 A điều khiển xe mô tô hiệu honda Blade, biển số 93C1.158.16 chở Thị D mang điện thoại trên đến dịch vụ cầm đồ Thành Lợi cầm cho ông Nguyễn Văn M với giá 2.000.000 đồng, cùng nhau chi tiêu trong gia đình hết, *(đã thu hồi được tài sản)*.

Lần 3: Vào khoảng 18 giờ ngày 13 tháng 7 năm 2019, A điều khiển xe mô tô hiệu honda Wave Blade, biển số 93C1.158.16 từ thành phố Đồng Xoài đi về phòng trọ tại phường TP, khi đi đến đoạn đường ĐT741 thuộc xã TH, thành phố Đồng Xoài thấy 01 người phụ nữ để xe mô tô ở lề đường vào quán mua hủ tiếu, ở hộc xe phía trước có 01 điện thoại di động màu đỏ đen, A điều khiển xe đến gần, thấy không có ai trông coi nên dùng tay lấy trộm điện thoại mang về phòng trọ biết là điện thoại Vivo, A tháo máy vứt sim, kể cho D nghe mới trộm được điện thoại và đưa cho D xem, D cất vào tủ quần áo. Sau đó A đi bẻ khóa rồi đến ngày 14 tháng 7 năm 2019 A điều khiển xe mô tô hiệu honda Blade, biển số 93C1.158.16 chở Thị D mang điện thoại trên đến tiệm cầm đồ Hùng Phước cầm cho bà Thái Thị P với giá 3.300.000đồng, chi tiêu trong gia đình hết, *(chưa thu hồi được tài sản, chưa xác định được bị hại)*.

Lần 4: Khoảng 19 giờ ngày 20 tháng 7 năm 2019, A điều khiển xe mô tô hiệu honda Wave Blade, biển số 93C1.158.16 đi từ phòng trọ tại thị trấn TP đến thành phố Đồng Xoài khi đến đoạn đường Lý Thường Kiệt thuộc phường TP, thành phố Đồng Xoài thấy một người phụ nữ điều khiển xe mô tô, trong túi quần sau, bên phải có 01 điện thoại di động màu trắng, A đi theo đến đoạn đường rẽ xuống đường Hồ Xuân Hương thuộc khu phố PT, phường TP, thành phố Đồng Xoài, A áp sát giật điện thoại, tăng ga bỏ chạy về phòng trọ, lấy ra biết điện thoại Iphon 6, màu trắng, A tháo máy vứt sim, nói cho D biết điện thoại do cướp giật được, D cất giấu đến ngày 22 tháng 7 năm 2019 A đi bẻ khóa, mang đi cầm tại dịch vụ cầm đồ Tùng Phụng cầm cho ông Lê Thanh N với giá 2.000.000đồng, A tiêu xài hết 1.500.000, về đưa cho D 500.000đồng, chi tiêu trong gia đình hết *(chưa thu hồi được tài sản, chưa xác định được bị hại)*.

Lần 5: Khoảng 06 giờ ngày 24 tháng 7 năm 2019 khi đi mua đồ ăn sáng tại khu công nghiệp BDP, trước tiệm ăn sáng không có tên có 01 xe mô tô phía hộc tay phía trước có 01 điện thoại, A điều khiển xe mô tô hiệu honda Wave Blade, biển số 93C1.158.16 đến gần lấy trộm điện thoại mang về phòng trọ cất giấu biết điện thoại Iphone màu hồng, không có sim, A nói với D điện thoại trộm cắp mà có, đưa điện Thoại cho D xem rồi A mở khóa được đưa Thị D đặt lại mặt khóa, do nhớ sai mặt khóa mới

đặt, máy bị khóa, Thị D cất điện thoại vào trong túi quần áo để sau đi bẻ khóa và cầm cổ lấy tiền (*đã thu hồi được tài sản, chưa xác định được bị hại*).

Lần 6: Vào khoảng 06 giờ 30 ngày 26 tháng 7 năm 2019, A điều khiển xe mô tô hiệu honda Wave Blade, biển số 93C1.158.16 đi từ phòng trọ tại thị trấn TP, huyện Đồng Phú đến thành phố Đồng Xoài, khi đến đoạn đường ĐT 741 thuộc khu phố TT, phường TX, thành phố Đồng Xoài thấy chị Nguyễn Thị Thu G điều khiển xe mô tô biển số 93F1.0524 cùng chiều ở túi quần sau bên phải có 01 điện thoại di động, A áp sát dùng tay cướp giật điện thoại, sau đó mang về phòng trọ biết được điện thoại Sam sung J7 Pro, A mở máy vứt sim, nói cho D biết điện thoại mới cướp giật, đưa cho D xem, D cất giấu vào túi quần áo. Đến ngày 28 tháng 7 năm 2019, A đi bẻ khóa rồi điều khiển xe mô tô biển số 93C1.158.16 chở Thị D mang điện thoại trên đến tiệm cầm đồ Bình An cầm cho bà Ngô Thị Kim O với giá 2.000.000đồng, cả hai chi tiêu trong gia đình hết (*đã thu hồi được tài sản*).

Lần 7: Khoảng 16 giờ 30 ngày 04 tháng 8 năm 2019, A điều khiển xe mô tô hiệu honda Wave Blade, biển số 93C1.158.16 đi từ phòng trọ tại thị trấn TP, huyện Đồng Phú đến trung tâm huyện Đồng Phú, khi đến đường ĐT741, thuộc khu phố TL, thị trấn TP, huyện Đồng Phú phát hiện chị Đoàn Thị Kim D điều khiển xe mô tô đi ngược chiều, trong túi quần phía sau bên phải người phụ nữ điều khiển xe có 01 điện thoại, A quay xe lại áp sát dùng tay giật điện thoại, mang về phòng trọ biết điện thoại OPPO A5S, A tháo máy vứt sim, kể cho Thị D nghe, D cất vào túi quần áo để chờ đi cầm cổ lấy tiền chi tiêu trong gia đình, (*đã thu hồi được tài sản*).

Lần 8: Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 05 tháng 8 năm 2019 A điều khiển xe mô tô hiệu honda Wave Blade, biển số 93C1.158.16 hướng Đồng Xoài đi Đồng Phú, khi đến đoạn đường ĐT741 thuộc ấp 1, xã TH, thành phố Đồng Xoài thì thấy chị Phạm Thị Kiều I điều khiển xe đạp điện đi cùng chiều phía trước, A thấy trong túi quần trước bên phải có 01 điện thoại màu đen, A điều khiển xe áp sát dùng tay giật điện thoại, tăng ga bỏ chạy về phòng trọ biết điện thoại Samsung J6, màu đen, A tháo máy vứt sim, nói cho Thị D biết điện thoại mới giật được. Thị D cầm điện thoại sam sung J6 đi bẻ khóa tại tiệm điện thoại Gia Bảo do ông Lê Vũ R làm chủ hết 180.000đồng rồi mang về phòng trọ cất giấu chờ đi cầm, (*đã thu hồi được tài sản*).

Lần 9: Vào khoảng 13 giờ ngày 05 tháng 8 năm 2019, A điều khiển xe mô tô hiệu honda Wave Blade, biển số 93C1.158.16 đi từ phòng trọ tại thị trấn TP đến thành phố Đồng Xoài, khi đi đến đường ĐT741 thuộc khu phố TT, phường TX, nhìn thấy chị Đỗ Thị F đi cùng chiều trong túi quần sau bên phải có 01 điện thoại OPPO F9, A áp sát dùng tay giật điện thoại, tăng ga bỏ chạy, chị F và 01 người đi đường đuổi theo, A chạy vào đường Nguyễn Huệ bỏ trốn, điện thoại bị rơi, A điều khiển xe về phòng trọ, (*chưa thu hồi được tài sản*).

Đến 16 giờ cùng ngày, A điều khiển xe mô tô hiệu honda Wave Blade, biển số 93C1.158.16 chở Thị D mang điện thoại OPPO A5S cướp giật của chị Đoàn Thị Kim D đi bẻ khóa tại tiệm điện thoại Lượng Q do anh Lê Đức Q làm chủ và điện thoại Sam sung J6 cướp giật của chị Phạm Thị Kiều I đi cầm thì bị lực Lượng Công an thành phố Đồng Xoài kiểm tra phát hiện.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 118 ngày 12 tháng 8 năm 2019 kết luận: 01 điện thoại Samsung A30, màu xanh, đã qua sử dụng có giá: 3.000.000 đồng; 01 điện thoại Samsung J6, màu đen, đã qua sử dụng có giá: 2.500.000 đồng, Tổng cộng: 5.500.000đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 158 ngày 30 tháng 10 năm 2019 kết luận: 01 điện thoại Samsung A7, màu xanh, đã qua sử dụng có giá: 3.400.000 đồng; 01 điện thoại Samsung J7, màu trắng hồng, đã qua sử dụng có giá: 2.400.000 đồng, 01 điện thoại OPPO F9, màu tím, đã qua sử dụng có giá: 3.400.000 đồng, Tổng cộng: 9.200.000đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 69 ngày 27 tháng 8 năm 2019 kết luận: 01 điện thoại OPPO A5S, màu đỏ, có giá: 3.120.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 75 ngày 02 tháng 10 năm 2019 kết luận: 01 điện thoại Iphone 6S Plus, màu hồng, có giá: 2.500.000 đồng.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bình, Thị D phạm tội từ 02 lần trở lên.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra Nguyễn Văn A, Thị D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, A không biết chữ, D là dân tộc thiểu số.

Vật chứng: Thu giữ khi kiểm tra hành chính 01 điện thoại Samsung galaxy J6, không có sim; 01 điện thoại OPPO màu đỏ, bị khóa màn hình, không có sim; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Blade, màu đỏ đen, biển số 93C1.158.16.

Thu giữ khi khám xét tại phòng trọ thứ ba bên phải từ ngoài vào nhà trọ Bích Liên thuộc tổ 99, khu phố BK, thị trấn TP, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước thu giữ: 01 hợp đồng cầm đồ của cửa hàng Bình An loại máy A7, 2018, số tiền 3.000.000đồng ngày 29 tháng 6 năm 2019; 01 hợp đồng cầm đồ của cửa hàng Bình An loại máy cũ J7, số tiền 2.000.000 đồng, ngày 28 tháng 7 năm 2019; 01 hợp đồng cầm đồ của cửa hàng Bình An loại máy ATP 1515, số tiền 3.000.000 đồng, ngày 31 tháng 7 năm 2019; 01 hợp đồng cầm đồ Hùng Phước loại máy cũ ViVo 1819, số tiền 3.300.000đồng, ngày 14 tháng 7 năm 2019; 01 biên nhận cầm đồ của dịch vụ cầm đồ Thành Lợi, điện thoại Samsung A30, 2.000.000đồng, ngày 28 tháng 7 năm 2019; 01 biên nhận cầm đồ của dịch vụ cầm đồ Thành Lợi, ĐTV7, 2.000.000đồng, ngày 01 tháng 8 năm 2019; 01 biên nhận cầm đồ của dịch vụ cầm đồ Tùng Phụng 1, điện thoại IPH, 2.000.000đồng, ngày 27 tháng 7 năm 2019; thu giữ trong tủ quần áo 01 điện thoại di động Iphone, màu hồng chưa rõ model; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn A.

Thu giữ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp 01 chứng minh nhân dân mang tên Thị D, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 015026.

Tạm giữ do Nguyễn Văn M giao nộp: 01 điện thoại Samsung A30, màu đen.

Tạm giữ do Ngô Thị Kim O giao nộp: 01 điện thoại Samsung galaxy J7, màu trắng hồng; 01 điện thoại Samsung galaxy A7, màu xanh.

Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đồng Xoài đã chuyển giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Phú 01 điện thoại Iphone.

Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đồng Xoài đã xử lý vật chứng trả lại cho Phạm Thị Kiều I 01 điện thoại Samsung J6, màu đen; cho Trần Thị H 01 điện thoại Samsung

A30, màu xanh; cho Nguyễn Thị Thu G 01 điện thoại samsungJ6 pro, màu hồng, cho Đoàn Thị Kim D 01 điện thoại OPPO A5S, màu đỏ.

Về dân sự: Bị hại Nguyễn Thị F yêu cầu A bồi thường số tiền 3.400.000 đồng, Ngô Thị Kim O (*chủ tiệm cầm đồ Bình An*) yêu cầu A bồi thường số tiền 5.000.000 đồng, Nguyễn Văn M (*chủ tiệm cầm đồ Thành Lợi*) yêu cầu A bồi thường 2.000.000đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 169/CT-VKS ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn A về tội “*cướp giật tài sản*” theo điểm b, d khoản 2 Điều 171; Bị cáo Thị D về tội “*tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A từ 04-05 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Thị D từ 15-18 tháng tù.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ nội dung phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng 169/CT-VKS ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài đã truy tố các bị cáo.

[3] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa thấy phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, biên bản bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp; kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa thấy phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 27 tháng 6 năm 2019 đến ngày 05 tháng 8 năm 2019 bị cáo Nguyễn Văn A điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave Blade, màu đỏ đen, biển số 93C1.158.16 đi cướp giật

điện thoại rồi cầm cổ lấy tiền làm nguồn sống chính cho bị cáo A và bị cáo Thị D. Bị cáo A cướp giật của chị Trần Thị H 01 điện thoại Samsung A30 có giá 3.000.000đồng; Của chị Nguyễn Thị Thu G 01 điện thoại Samsung J7 có giá 2.400.000đồng; Của chị Đoàn Thị Kim D 01 điện thoại OPPO A5S có giá 3.120.000đồng; Của chị Phạm Thị Kiều I 01 điện thoại Samsung J6 có giá 2.500.000đồng; Của chị Đỗ Thị F 01 điện thoại OPPO F9 có giá 3.400.000đồng, tổng cộng là 14.420.000đồng. Sau khi cướp giật, bị cáo A nói cho bị cáo D biết và đưa các điện thoại cho bị cáo D xem, cất giữ rồi cùng nhau đi cầm 01 điện thoại Samsung A30 của chị Trần Thị H có giá 3.000.000đồng; 01 điện thoại Samsung J7 của chị Nguyễn Thị Thu G có giá 2.400.000đồng; 01 điện thoại OPPO A5S của chị Đoàn Thị Kim D có giá 3.120.000đồng; 01 điện thoại Samsung J6 của chị Phạm Thị Kiều I có giá 2.500.000đồng, tổng cộng là 11.020.000đồng. Do vậy, hành vi của bị cáo A đã phạm tội “*cướp giật tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 và hành vi của bị cáo D đã phạm tội “*tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3.1] Đối với bị cáo Nguyễn Văn A:

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bản thân bị cáo là người có đủ năng lực hành vi dân sự, nên khi thực hiện Rnh vi cướp giật tài sản của những người khác thì bị cáo phải nhận thức được đó là hành vi vi phạm pháp luật. Nhưng để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân và chi tiêu trong gia đình, nên khi phát hiện sơ hở trong việc quản lý tài sản của những người bị hại khi lưu thông trên đường thì bị cáo nhiều lần điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave Blade, màu đỏ đen, biển số 93C1.158.16 đuổi theo những người bị hại đến đoạn đường thuận tiện thì nhanh chóng cướp giật tài sản nhằm tẩu thoát. Hơn nữa, hành vi của bị cáo sử dụng xe mô tô để thực hiện việc cướp giật tài sản thì những người bị hại cũng đang điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường dẫn đến rất nguy hiểm, có thể gây tai nạn giao thông cho những người bị hại cũng như bản thân bị cáo. Sau khi cướp giật được tài sản, bị cáo đem về nhà trọ cất giấu và nói với vợ là bị cáo D rồi cùng nhau nhiều lần đem các tài sản đã cướp giật được cầm cổ nhằm lấy tiền cùng nhau tiêu xài. Xét tính chất, mức độ do hành vi và hậu quả mà bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài truy tố bị cáo “*có tính chất chuyên nghiệp và dùng thủ đoạn nguy hiểm*” theo điểm b, d khoản 2 Điều 171 và tình tiết tăng nặng “*từ hai lần trở lên*” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2] Đối với bị cáo Thị D:

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, trong quá trình thực hiện tội phạm bị cáo hoàn toàn làm chủ được hành vi của mình, khi biết chồng mình là bị cáo A có hành vi cướp giật tài sản nhiều lần, chẳng những bị cáo không can ngăn mà còn tiếp tay cho bị cáo A trong việc cất giấu rồi cùng bị cáo A đi đến cửa hàng điện thoại thuê người bẻ khóa mật khẩu của các điện thoại đã chiếm đoạt, sau đó cùng nhau nhiều

lần đến các tiệm cầm đồ để cầm cố điện thoại lấy tiền cùng nhau tiêu xài. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài truy tố bị cáo D về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 và tình tiết tăng nặng (*từ hai lần trở lên*) theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo đã tRnh khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; Một phần tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi đã trả lại cho bị hại; Các bị cáo đã vận động gia đình hoàn trả lại số tiền mà mình có được trong việc cầm cố tài sản đã chiếm đoạt để trả lại cho nhưng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Do vậy, được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt khi lượng hình.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Ngày 30 tháng 10 năm 2019, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đồng Xoài đã xử lý vật chứng trả lại cho chị Phạm Thị Kiều I 01 điện thoại samsung J6 màu đen; cho chị Trần Thị H 01 điện thoại samsung A30 màu xanh; cho chị Nguyễn Thị Thu G 01 điện thoại samsung J7 pro màu hồng, cho chị Đoàn Thị Kim D 01 điện thoại OPPO A5S màu đỏ, và những người này không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không đặt vấn đề để xử lý.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đỏ đen, biển số 93C1.158.16 cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 015026 được thu giữ trong quá trình khám xét là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo A và bị cáo D dùng để làm phương tiện cho việc thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền mà bị cáo A và bị cáo D chiếm đoạt trong quá trình cầm cố 01 điện thoại Samsung A30 chị Trần Thị H có giá 3.000.000đồng; 01 điện thoại Samsung J7 của chị Nguyễn Thị Thu G có giá 2.400.000đồng; 01 điện thoại OPPO A5S của chị Đoàn Thị Kim D có giá 3.120.000đồng; 01 điện thoại Samsung J6 của chị Phạm Thị Kiều I có giá 2.500.000đồng, tổng cộng là 11.020.000đồng là số tiền có được do phạm tội mà có. Vì vậy, cần buộc các bị cáo phải nộp lại để sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với các tài liệu gồm: 01 hợp đồng cầm đồ của cửa hàng Bình An loại máy A7, 2018 thể hiện số tiền 3.000.000đồng lập ngày 29 tháng 6 năm 2019; 01 hợp đồng cầm đồ của cửa hàng Bình An loại máy cũ J7 thể hiện số tiền 2.000.000 đồng lập ngày 28 tháng 7 năm 2019; 01 hợp đồng cầm đồ của cửa hàngng Bình An loại máy ATP 1515 thể hiện số tiền 3.000.000 đồng lập ngày 31 tháng 7 năm 2019; 01 hợp đồng cầm đồ Hùng Phước loại máy cũ ViVo 1819 thể hiện số tiền 3.300.000đồng lập ngày 14 tháng 7 năm 2019; 01 biên nhận cầm đồ của dịch vụ cầm đồ Thành Lợi, ĐT sam sung A30 thể hiện số tiền 2.00.000đồng lập ngày 28 tháng 7 năm 2019; 01 biên nhận cầm đồ của dịch vụ cầm đồ Thành Lợi, ĐTV7 thể hiện số tiền 2.000.000đồng lập ngày 01 tháng 8 năm 2019; 01 biên nhận cầm đồ của dịch vụ cầm đồ Tùng Phụng 1, điện thoại IPH thể hiện số tiền 2.000.000đồng lập ngày 27 tháng 7 năm 2019. Đây là những chứng cứ thu

giữ được trong quá trình khám xét để chứng minh cho hành vi phạm tội của các bị cáo. Vì vậy cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn A, 01 chứng minh nhân dân mang tên Thị D là của bị cáo A và bị cáo D không liên quan gì đến vụ án. Vì vậy, cần trả lại cho các bị cáo.

- Đối với vụ cướp giật tài sản mà bị cáo A thực hiện ngày 27 tháng 6 năm 2019, ngày 20 tháng 7 năm 2019 và vụ trộm cắp tài sản A thực hiện ngày 13 tháng 7 năm 2019, hiện chưa xác định được bị hại Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đồng Xoài tiếp tục xác minh, xử lý nên HĐXX không đặt vấn đề để xem xét.

- Đối với vụ trộm cắp tài sản mà bị cáo A thực hiện ngày 24 tháng 7 năm 2019 tại khu công nghiệp BDP Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đồng Xoài đã thông báo và bàn giao điện thoại Iphone cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Phú tiếp tục xác minh, xử lý nên HĐXX không đặt vấn đề để xử lý.

- Đối với các điện thoại Samsung A7, Iphone 6 mà bị cáo Thị D đi cầm cùng bị cáo A hiện chưa xác định được bị hại Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đồng Xoài tiếp tục xác minh, xử lý nên HĐXX không đặt vấn đề để xem xét.

- Đối với anh Nguyễn Văn M, anh Lê Thanh N, chị Ngô Thị Kim O, chị Thái Thị P khi nhận cầm cố điện thoại không biết điện thoại do bị cáo A cướp giật mà có nên HĐXX không đề cập xử lý.

- Đối với anh Lê Đức Q, anh Lê Vũ R là người được thuê bẻ khóa điện thoại cho bị cáo A và bị cáo Thị D và không biết điện thoại do bị cáo A cướp giật mà có nên HĐXX không đề cập xử lý.

- Đối với anh Lê Viết L (*chủ nhà trọ*) không biết việc bị cáo A và bị cáo Thị D cất giấu điện thoại do cướp giật mà có tại phòng trọ nên HĐXX không đề cập xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Đỗ Thị F yêu cầu bị cáo A phải bồi thường cho chị số tiền 3.400.000 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo cùng nhau đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các đương sự nêu trên. Xét thấy, đây là thiện chí của các bị cáo nên được HĐXX chấp nhận. Ngoài ra, Trong quá trình chuẩn bị xét xử, mẹ của bị cáo Thị D là bà Thị E thay các bị cáo đã khắc phục hậu quả cho anh Nguyễn Văn M (*chủ tiệm cầm đồ Thành Lợi*) với số tiền là 2.000.000 đồng; Khắc phục hậu quả cho chị Ngô Thị Kim O (*chủ tiệm cầm đồ Bình An*) với số tiền là 5.000.000 đồng. Đồng thời nhưng người này không yêu cầu gì thêm. Riêng bà Thị E cũng không yêu cầu các bị cáo phải trả lại tiền cho bà E nên HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh :

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn A** (tên gọi khác: không) phạm tội “*cướp giật tài sản*”.

Tuyên bố bị cáo Thị D (tên gọi khác: không) phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

2. Về hình phạt :

Áp dụng điểm b,d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38;50 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A **03 (ba)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b,s khoản 1, 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38;50 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Thị D 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự 2015.

Tuyên buộc bị cáo Nguyễn Văn A và bị cáo Thị D mỗi người phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại chị Đỗ Thị F số tiền là 1.700.000 đồng. Tổng cộng là 3.400.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên buộc các bị cáo Nguyễn Văn A, bị cáo Thị D phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 11.020.000đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đỏ đen, biển số 93C1.158.16 cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 015026.

Tuyên các tài liệu gồm: 01 hợp đồng cầm đồ của cửa hàng Bình An loại máy A7, 2018 thể hiện số tiền 3.000.000đồng lập ngày 29 tháng 6 năm 2019; 01 hợp đồng cầm đồ của cửa hàng Bình An loại máy cũ J7 thể hiện số tiền 2.000.000 đồng lập ngày 28 tháng 7 năm 2019; 01 hợp đồng cầm đồ của cửa hàng Bình An loại máy ATP 1515 thể hiện số tiền 3.000.000 đồng lập ngày 31 tháng 7 năm 2019; 01 hợp đồng cầm đồ Hùng Phước loại máy cũ ViVo 1819 thể hiện số tiền 3.300.000đồng lập ngày 14 tháng 7 năm 2019; 01 biên nhận cầm đồ của dịch vụ cầm đồ Thành Lợi, ĐT sam sung A30 thể hiện số tiền 2.00.000đồng lập ngày 28 tháng 7 năm 2019; 01 biên nhận cầm đồ của dịch vụ

cầm đồ Thành Lợi, ĐTV7 thể hiện số tiền 2.000.000đồng lập ngày 01 tháng 8 năm 2019; 01 biên nhận cầm đồ của dịch vụ cầm đồ Tùng Phụng 1, điện thoại IPH thể hiện số tiền 2.000.000đồng lập ngày 27 tháng 7 năm 2019 tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn A 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn A, trả lại cho bị cáo Thị D 01 chứng minh nhân dân mang tên Thị D

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0001752; Quyển số 0036; Ký hiệu D47/2017 ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài).

5. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đồng Xoài;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đồng Xoài;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đồng Xoài;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Văn Phú Vinh